Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0305.79.90

Mã HS	0305.79.90
Mô tả hàng hóa	Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Vây cá, đầu, đuôi, bong bóng và phụ phẩm khác ăn được sau giết mổ của cá: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 14:47:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03057990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K552
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N552
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q552
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ552
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E548
ATIGA	2022	2022	0	AT!E549
ATIGA	2023	2023	0	AT!F549
ATIGA	2024	2024	0	AT!G549
ATIGA	2025	2025	0	AT!H549
ATIGA	2026	2026	0	AT!I549
ATIGA	2027	2027	0	AT!J549
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E551
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F551
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G551

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H551
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I551
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J551
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E551
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F551
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G551
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H551
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I551
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J551
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F549
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H548
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F551
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G551
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H551
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I551
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J551
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K551
VKFTA	2022	2022	0	VK!E549
VKFTA	2023	2023	0	VK!F549
VKFTA	2024	2024	0	VK!G549
VKFTA	2025	2025	0	VK!H549
VKFTA	2026	2026	0	VK!I549
VKFTA	2027	2027	0	VK!J549
VCFTA	2022	2022	0	VC!D550
VCFTA	2023	2023	0	VC!E550
VCFTA	2024	2024	0	VC!F550

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G550
VCFTA	2026	2026	0	VC!H550
VCFTA	2027	2027	0	VC!I550
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D553
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E553
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F553
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G553
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H553
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I553
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D550
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E550
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F550
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G550
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H550
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I550
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D550
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E550
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F550
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G550
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H550
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I550
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D552
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E552
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F552
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G552
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H552

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I552
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D550
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E550
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F550
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G550
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H550
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I550
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J550
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D549
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E549
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F549
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G549
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H549
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I549
RCEP B	2022	2022	0	B!D549
RCEP B	2023	2023	0	B!E549
RCEP B	2024	2024	0	B!F549
RCEP B	2025	2025	0	B!G549
RCEP B	2026	2026	0	B!H549
RCEP B	2027	2027	0	B!I549
RCEP C	2022	2022	0	C!D549
RCEP C	2023	2023	0	C!E549
RCEP C	2024	2024	0	C!F549
RCEP C	2025	2025	0	C!G549
RCEP C	2026	2026	0	C!H549
RCEP C	2027	2027	0	C!I549

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D549
RCEP D	2023	2023	0	D!E549
RCEP D	2024	2024	0	D!F549
RCEP D	2025	2025	0	D!G549
RCEP D	2026	2026	0	D!H549
RCEP D	2027	2027	0	D!I549
RCEP E	2022	2022	0	E!D549
RCEP E	2023	2023	0	E!E549
RCEP E	2024	2024	0	E!F549
RCEP E	2025	2025	0	E!G549
RCEP E	2026	2026	0	E!H549
RCEP E	2027	2027	0	E!I549
RCEP F	2022	2022	0	F!D549
RCEP F	2023	2023	0	F!E549
RCEP F	2024	2024	0	F!F549
RCEP F	2025	2025	0	F!G549
RCEP F	2026	2026	0	F!H549
RCEP F	2027	2027	0	F!I549
VIFTA	2024	2024	*	VI!F529
VIFTA	2025	2025	*	VI!G529
VIFTA	2026	2026	*	VI!H529
VIFTA	2027	2027	*	VI!I529

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0305.79 có 2 dòng thuế; dòng 0305.79.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0305.79.10 Của cá tuyết	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0305.79.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 0305.79.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N552), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.